

MỐI QUAN HỆ CỦA CAMPUCHIA VỚI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĂNGKOR (802 - 1432)*

NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO**

Tóm tắt: Người Khmer là một trong những cư dân đầu tiên ở Đông Nam Á và cũng là một trong những dân tộc đầu tiên ở khu vực này tiếp nhận những tư tưởng tôn giáo và các thể chế chính trị từ Ấn Độ. Người Khmer khi đó xây dựng nên vương quốc Kambuja, khởi nguồn cho cái tên Campuchia hiện nay, họ đã cai quản những vùng đất đai rộng lớn bao gồm kinh đô tại vùng Angkor. Campuchia thời kỳ này có sức ảnh hưởng lớn tới các quốc gia trong khu vực, trong đó có Đại Việt. Mối liên hệ của Campuchia với Đại Việt chịu sự chi phối bởi các sự biến về kinh tế, chính trị của mỗi quốc gia và bối cảnh khu vực. Hai vương quốc đã có mối liên hệ sâu sắc trên các lĩnh vực như thương mại, triều cống, chính trị và quân sự. Trong suốt quá trình hình thành, phát triển, thịnh vượng và suy tàn của vương triều Angkor từ năm 802 đến năm 1432, mối quan hệ của vương quốc Campuchia với các quốc gia Đông Nam Á trong đó có Đại Việt trên các phương diện khác nhau và mối quan hệ ấy diễn ra một cách đan xen nhau và khá phức tạp.

Từ khóa: Campuchia, Đại Việt, Thời kỳ Angkor, Khmer, quan hệ triều cống.

1. Quan hệ thương mại

Mối quan hệ thương mại ở khu vực Đông Nam Á nói chung và mối quan hệ của vương triều Angkor với Đại Việt nói riêng không được đề cập nhiều trong lịch sử. Nếu như trước thế kỷ X, nền kinh tế của khu vực Đông Nam Á tương đối trầm lắng, các hoạt động giao thương, trao đổi buôn bán diễn ra một cách tản mạn và nhỏ lẻ thì kể từ sau thế kỷ X đặc biệt là từ X-XV là khoảng thời

gian lịch sử đã chứng kiến một thời kỳ phát triển khá sôi động của ngoại thương, nhất là hái thương các nước.

Thế kỷ XI, hệ thống thương mại Biển Đông được hình thành và phát triển nhanh chóng. Cả Campuchia và Đại Việt đã vươn lên một cách mạnh mẽ, hình thành nên các trung tâm quyền lực. Quan hệ thương mại của các vương quốc thời kỳ này có thể diễn ra dưới hai hình thức:

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi quỹ KHCN của Trường DHSP Hà Nội 2 cho đề tài C.2017 17

** ThS Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội 2

thương mại quan phương và thương mại phi quan phương, trong đó hình thức thương mại chủ yếu thời kỳ này là mối quan hệ phi quan phương. Đó là các hoạt động do các nhóm thương nhân nhỏ lẻ tiến hành, không phải là các hoạt động quy mô chính thức mang tính nhà nước. Có thể chính vì các hoạt động thương mại ngoài luồng như vậy nên các thương nhân đã không nhận được sự chào đón và ủng hộ của chính quyền Đại Việt, thậm chí gặp phải sự ngăn cấm và trục xuất. Chính sử đã ghi chép: “Tháng giêng năm đầu Đại Trung Tường Phù (1008). Tháng 9, Giao Châu vương tâu nói có hai người lái buôn Chân Lạp, bị Giao Châu sành trục xuất, trốn đến xin gia nhập tịch làm dân bán châu. Chân Tông nói: “Người phương xa vì cùng đường nên phải chạy đến quy phục, xuống chiếu cấp y phục, tiền bạc và khuyến sứ dẫn về nước”⁽¹⁾.

Một vấn đề được đặt ra là điều gì đã thu hút các thương nhân Campuchia vượt những khó khăn tới Đại Việt buôn bán mặc dù không hề nhận được sự rộng mở của chính quyền? Dưới thời nhà Lý (1009 - 1225) các cảng thị ở Nghệ An đóng vai trò quan trọng trong hải trình buôn bán của các thương thuyền Trung Hoa đi xuống vùng biển phía Nam. Thương nhân Campuchia thông qua mạng lưới này góp phần trao đổi hàng hóa từ Trung Hoa xuống vào nội hạt của vương quốc thông qua tuyến đường bộ tới điểm cực nam của Đại Việt.

Trong mối tương quan với các quốc gia Đông Nam Á khác, Vương quốc Campuchia luôn đặt mối quan hệ thương mại với Đại Việt và đặc biệt là vùng Nghệ An - Hà

Tĩnh ở vị trí rất quan trọng. Về vị trí của Nghệ An - Hà Tĩnh, John K. Whitmore nhận định: “Vùng phía Nam lãnh thổ của Đại Việt nằm bên bờ của vùng biển Giao Chi có vị trí trung gian trên con đường thương mại quốc tế. Vùng biển này trải dài từ vùng Đông Nam Trung Hoa qua Vịnh Bắc Bộ đi tới Champa. Khu vực phía Nam của duyên hải Đại Việt vốn có quan hệ bền chặt với tuyến đường thương mại này, đặc biệt là vùng Nghệ An. Nghệ An nằm vị trí trung tâm của biển Giao Chi nên có sự gắn kết chặt chẽ với vùng biển Champa ở phía Nam, với Chân Lạp và Ăngkor qua vùng núi miền Tây xuôi xuống vùng hạ lưu Mê Kông với Hải Nam, qua vùng biển phía Đông, qua trung tâm của Đại Việt ở mặt phía Bắc”⁽²⁾.

Mối quan hệ thương mại Đông Tây qua khu vực Nghệ - Tĩnh được thiết lập từ khá sớm. Tác giả Momoki Shiro nhận định “Mối quan hệ thương mại này được thiết lập từ thời nhà Đường thế kỷ VIII, con đường bắt đầu từ các cảng phía Nam Trung Hoa, vòng qua vùng biển phía Đông của đảo Hải Nam để nhập vào các cảng thuộc vùng duyên hải Bắc Trung Bộ, tiến vào sâu trong vùng núi biên giới phía Tây Nghệ - Tĩnh bằng đường sông qua dãy Trường Sơn tới khu vực phía Bắc của Lục Chân Lạp, sau đó tiến theo đường thủy dọc sông Mê Kông xuống vùng kinh đô Ăngkor, nơi ngự trị của vương quốc Khmer”⁽³⁾. Với những thành tựu trong nghiên cứu các học giả đã chứng minh được vai trò quan trọng của Nghệ Tĩnh trong hệ thống thương mại Biển Đông giai đoạn sớm đặc biệt là thế kỷ XI-XIV. Sau khi Đại Việt giành độc lập, vị trí này tiếp tục được củng cố: “Miền

Trung Việt Nam là cửa ngõ của các hoạt động giao thương đường thủy trong khu vực, nơi hầu hết các thương nhân, khách hành hương và các đoàn triều cống đặt chân tới trước khi theo đường sông tới Giao Chi (Việt, Giao Châu)⁽⁴⁾. Campuchia và Đại Việt được nối kết bởi tuyến giao lưu Đông Tây. Như vậy, có thể thế kỷ X - XIV, Nghệ - Tĩnh đóng vai trò là cửa ngõ mở ra biển Đông của vương quốc Angkor.

Những tư liệu ghi chép lại về mối quan hệ giao thương của Campuchia hướng tới Đại Việt mặc dù không nhiều nhưng cũng đã góp phần xác lập sự hiểu biết của chúng ta về mối liên hệ kinh tế giữa hai quốc gia trong lịch sử. "Trong một bi ký từ Ban That (Bản Thất đông bắc của Chân Lạp) được dựng dưới thời vua Jayavarman VI (1080 - 1107) đã chỉ ra rằng thuyền mui hay xà lan đã hoạt động phổ biến ở lưu vực sông Mê Kông"⁽⁵⁾. Xà lan có thể là một loại phương tiện được sử dụng chuyên chở hàng hóa trên đoạn sông Mekong, một phần của tuyến thương mại Đông Tây này. Trong khi có một nguồn tư liệu khác ghi lại: "Thương nhân người Việt được chép trong tấm bia Phum Mien (năm 987) có thể đã sử dụng con đường sông Mê Kông để đến Chân Lạp, họ khởi hành từ Nghệ An qua Ha Trại, xuôi xuống hạ lưu sông Mê Kông"⁽⁶⁾.

Mặt khác mối quan hệ bang giao - chính trị có mối liên hệ cực kỳ quan trọng với các mối quan hệ giao thương, đặc biệt là ngoại thương. "Sứ bộ các nước láng giềng tới Đại Việt là một nguồn lợi thiết yếu và để đảm bảo cho sự liên tục của nó, những nỗ lực đáng kể được tăng cường nhằm quản lý vùng biên viễn và các mạng lưới buôn bán mà chúng vốn là một bộ phận"⁽⁷⁾. Với

9 lần Chân Lạp muốn mang quân chiếm Nghệ An ngoài mục đích cướp phá nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú của vùng đất, giới cầm quyền Chân Lạp còn mong muốn nắm giữ vùng hải cảng quan trọng là cửa ngõ để Chân Lạp có thể dự nhập vào hệ thống thương mại biển Đông giai đoạn sớm. *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi lại: "Năm 1132, viên quan Trần Lưu bắt giữ ba người Nghệ An đem bán cho Chân Lạp. Việc mua bán người lên lút giữa Champa và Chân Lạp cho thấy mối quan hệ phi quan phương giữa hai quốc gia trên lãnh thổ Đại Việt. Sự kiện này rất có ý nghĩa khi đặt trong mối tương quan, trong bối cảnh việc buôn bán nô lệ ở vùng biển Giao Châu trong suốt thế kỷ XI - XIV, mà theo như quan điểm của Li Tanna cũng như Momoki Shiro, Đại Việt đã tham gia vào mạng lưới này, ít nhất là với vị trí là một địa điểm trung gian"⁽⁸⁾. Có thể ngay tại Nghệ An đã từng hình thành các hoạt động buôn bán, trao đổi nô lệ. Đại Việt với vị trí Nghệ Tĩnh được xem là một khu vực trung chuyển cho mối quan hệ các quốc gia ở Biển Đông với Chân Lạp qua tuyến đường từ Tây sang Đông. Mối quan hệ thương mại này mang lại nguồn lợi không chỉ về nô lệ mà còn các sản phẩm từ vùng châu thổ và duyên hải đặc biệt là muối thông qua việc trao đổi với các sản vật ở vùng núi cao Chân Lạp (vùng bên kia dãy Trường Sơn).

Mặt khác, tuyến thương mại Đông Tây này góp phần cho các thương nhân Đại Việt và các thương nhân từ biển Đông có thể tiếp cận với mạng lưới buôn bán sầm uất trên lãnh thổ Chân Lạp vào thế kỷ XI. Đặc biệt thời kỳ này các nhà vua Khmer

có chính sách về thuế khai mở cho các thương nhân nước láng giềng và từ Angkor có thể vươn xa hơn tới thị trường Lopburi thung lũng sông Chaophraya và thị trường phía nam Isthmus Kra trên bán đảo Mã Lai. Các điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại trên lãnh thổ Chân Lạp là yếu tố hối thúc các thương nhân Trung Hoa và Đại Việt thường xuyên sử dụng con đường đi qua biên giới vùng Thanh Nghệ sang Chân Lạp. Điều này được làm sáng tỏ hơn khi người ta phát hiện ra các mặt hàng đến từ Trung Quốc ở Phanom Wan, một trung tâm thương mại nằm ở hệ thống sông Mun – tuyến giao thông kết nối mạng lưới đông tây trên lãnh thổ phía bắc của Lục Chân Lạp được thiết lập và phát triển cực thịnh trong thời kỳ đó. Trong một văn bản khắc cổ cho thấy, thế kỷ X, hàng hóa đến từ Trung Quốc đã du nhập vào vùng trung tâm của Khmer từ khu vực phía Đông của lãnh thổ. Trong một tài liệu tìm thấy ở vùng Tuol Pei (phía nam hồ Tonle Sap) của Hoàng gia, yêu cầu người đứng đầu các địa hạt thuộc các trung tâm thương mại ở khu vực miền đông giành cho được các sản phẩm đưa đến của thương nhân Trung Quốc⁽⁹⁾.

Trong thời Lý, chính sử có ghi chép lại mối quan hệ giữa Đại Việt và Chân Lạp nhưng tới thời Trần trong Đại Việt sử ký toàn thư không còn ghi chép lại gì về mối quan hệ này. Nửa cuối thế kỷ XIV, theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì một số cửa biển vùng Nghệ - Tĩnh không thuận lợi cho tàu bè neo đậu vì thế mà các thương thuyền thường tập trung về Vân Đồn. Các cửa biển này không còn là cửa ngõ thông thương lý tưởng cho Chân Lạp vì thế mà giới cầm

quyền của nước này không còn coi vị trí Nghệ - Tĩnh là địa bàn hướng biển chiến lược. Đó cũng là nguyên nhân dẫn tới mối quan hệ thương mại của hai vương quốc có phần thưa vắng dần. Tuy nhiên, với mối giao lưu thương mại đã thiết lập được thì ít nhiều đã đóng góp cho sự phát triển phồn thịnh của mỗi quốc gia.

2. Quan hệ triều cống và quân sự

Từ thế kỷ XI - XV, ngoài các hoạt động triều cống bên cạnh đó đẩy mạnh hoạt động giao thương, mối quan hệ Campuchia - Đại Việt diễn ra một cách phong phú, đa dạng, dưới nhiều hình thức khác nhau. Thời kỳ này, đan xen với các hoạt động thương mại của các thương nhân thì vương triều Angkor cử các phái đoàn triều cống tới Đại Việt. Thông qua việc các phái đoàn triều cống của Campuchia tới Đại Việt, quốc vương muốn thắt chặt hơn nữa sự gắn kết, giao hảo giữa hai quốc gia. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi: “Nhâm Tý, (Thuận Thiên) năm thứ 3 (1012), (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 5), nước Chân Lạp đến cống”⁽¹⁰⁾. Giáp Dần, (Thuận Thiên) năm thứ 5 (1014), (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 7), nước Chân Lạp sang cống”⁽¹¹⁾. “Canh Thân, (Thuận Thiên) năm thứ 11 (1020), Tống Thiên Hy năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nước Chân Lạp đến cống”⁽¹²⁾. “Ất Sửu, (Thuận Thiên) năm thứ 16 (1025) (Tống Thiên Thánh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, nước Chân Lạp sang cống”⁽¹³⁾. “Bính Dần (Thuận Thiên) năm thứ 17 (1026), (Tống Thiên Thánh năm thứ 4). Mùa Đông, tháng 11, nước Chân Lạp sang cống”⁽¹⁴⁾; “Quý Dậu, (Thiên Thành) năm thứ 6 (1033), (Tống

Minh Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang cống⁽¹⁵⁾; Kỷ Mão, (Thông Thụy) năm thứ 6 (1039), tháng 12, nước Chân Lạp sang cống⁽¹⁶⁾; “Bính Thân, (Long Thụy Thái Bình) năm thứ 3 (1056), (Tống Gia Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng nước Chân Lạp sang cống⁽¹⁷⁾”.

Theo số liệu thống kê dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư*, trong 183 năm (1012-1195) vương quốc Campuchia cử phái đoàn đến Đại Việt triều cống 24 lần trong khi đó tới Trung Quốc 5 lần. Như vậy, hơn bảy năm Chân Lạp lại đến triều đình Đại Việt tiến cống một lần. Trong đó bốn lần phái đoàn Chân Lạp đến tiến cống hai năm liên tiếp: năm 1025-1026, 1056-1057, 1134-1135 và 1194 và 1195 và khoảng thời gian lâu nhất giữa hai lần triều cống là 39 năm (1153-1191). Một điểm đáng chú ý là số lần triều cống của Chân Lạp nhiều hơn lần triều cống của Champa tới Đại Việt thời Lý (22 lần), mặc dù Champa vốn có mối liên hệ mật thiết với Đại Việt trên các phương diện chính trị, văn hóa. Dựa vào những so sánh trên phần nào chúng ta thấy được Campuchia đặt Đại Việt ở vị trí quan trọng trong mối tương quan với các quốc gia Đông Nam Á khác và Trung Hoa. Theo nhà nghiên cứu Li Tanna “Miền Trung Việt Nam đồng thời đóng vai trò cầu nối giữa Campuchia và nam Trung Hoa. Điều này giúp chúng ta giải thích nguyên do tại sao các vị vua Khmer thường gửi cống phẩm đến Đại Việt 19 lần nhiều hơn đến nhà Tống (5 lần)⁽¹⁸⁾”.

Mối quan hệ bang giao và triều cống hình thành từ khá sớm, bên cạnh đó hai vương quốc có mối quan hệ quân sự. Không

chỉ đến thời kỳ tồn tại của vương triều Ăngkor (802-1432) mới có quan hệ chính trị quân sự giữa hai vương quốc, thời kỳ trước đó đã xuất hiện mối liên hệ ấy. Lịch sử đã minh chứng, trong cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loạn chống lại ách đô hộ của nhà Đường, vào đầu thế kỷ VIII, người Chân Lạp mang quân sang liên minh, hưởng ứng. Thế kỷ VIII, Mai Thúc Loạn đã cùng với những người tham gia khởi nghĩa đã liên kết với Chân Lạp để chống lại ách cai trị của nhà Đường. Sử cũ đã chép: “Sơ niên, hiệu Khai Nguyên (713-714), của Huyền Tông, soái trưởng Giao Châu là Mai Thúc Loạn làm phản, hiệu xưng là Mai Hắc Đế, ngoài kết giao với quân của Lâm Ấp và Chân Lạp, tập hợp được hơn 30 vạn quân sĩ, chiếm cứ nước An Nam. Vua Huyền Tông ra lời chiêu sai quan Tá Giám Môn Vệ tướng quân là Dương Tử Miễn và quan đô hộ là Nguyễn Sở Khanh qua đánh, cứ noi theo con đường cũ của Mã Viện đi tới phá quân của Loạn, thâu những xác chết đắp thành gò lớn rồi kéo về⁽¹⁹⁾”. Sách *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* cho biết số quân của Mai Thúc Loạn lên đến 40 vạn “theo Đường thư, khoảng năm Khai Nguyên (713-741), An Nam có Mai Thúc Loạn làm phản, tự xưng là Hắc đế, chiêu tập quân 32 châu, ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp và Kim Lân, giữ vùng biển nam, quân số có đến 40 vạn. Tư Húc xin đi đánh, chiêu mộ 10 vạn quân cùng với Quang Sở Khách tiến theo đường cũ của Mã Viện, nhân lúc bất ý, sập đến đánh. Thúc Loạn hoang mang nao núng, không kịp mưu tính cách đối phó, bị thua to. Tư Húc mới chọn những xác chết chung vào một nơi đắp thành cái gò cao (Kinh

quán) để ghi chiến công của mình, rồi rút quân về"⁽²⁰⁾.

Mối quan hệ chính trị quân sự giữa hai bên có sự thay đổi trong cuộc kháng chiến của Đại Việt chống xâm lược Tống. Chân Lạp cùng Chăm-pa liên kết với chính quyền phương Bắc tạo nên mũi giáp công từ phía Nam. Trong bộ thư tịch cổ của Việt Nam *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú cho biết một cách cụ thể: "Năm thứ 5 (1076) nhà Tống sai Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, hợp với quân Chiêm Thành, Chân Lạp xâm lược nước ta"⁽²¹⁾. Trong *Việt sử thông giám cương mục* viết: "Năm thứ 5 (tức năm 1076), nhà Tống sai Quách Quỳ cầm đầu chín tướng hợp lực với Chiêm Thành và Chân Lạp sang xâm lược, ông (tức Lý Thường Kiệt) đón đánh ở sông Như Nguyệt phá tan được". Sách Đại Việt sử ký toàn thư cũng ghi lại sự kiện này: "Bình Thịn, Thái Ninh năm thứ năm (1076), (Từ tháng tư về sau là niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ nhất; Tống Hy Ninh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng ba nhà Tống sai tuyên phủ xứ Quảng Nam là Quách Quỳ làm chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, đem quân 9 tướng, hợp với Chiêm Thành và Chân Lạp sang xâm lấn nước ta."⁽²²⁾

Sự tấn công của Chân Lạp vào phần lãnh thổ phía Nam của Đại Việt luôn nằm xen kẽ với các lần triều cống của nước này đến chính quyền Thăng Long. Điều này cho thấy mối quan hệ phức tạp và sự liên minh chính trị, quân sự không chặt chẽ của các quốc gia trên bán đảo Đông Dương thời kỳ này. Sau những lần triều cống Đại Việt năm 1126 đến năm 1128, Chân Lạp đem quân xâm phạm vùng đất Nghệ An. Về sự

kiện này *Việt Sử lược* chép lại rằng: "Năm Mậu Thân, hiệu Đại Thuận năm đầu (1128), Chân Lạp đến cướp ở châu Nghệ An Tháng 2, Chân Lạp đến cướp ở Nghệ An, vua sai Thái phó Nguyễn (Lý) Bình Công đánh dẹp, bắt được tướng của nó rồi về"⁽²³⁾. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết về cuộc tấn công năm 1128 chỉ trong một năm Chân Lạp đã hai lần mang quân sang tấn công vùng biên viễn phía nam của nhà Lý: "Mậu Thân, Thiên Thuận năm thứ nhất (1128), (Tống Kiến Viêm năm thứ 2). Ngày Giáp Dần, tháng 1, hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở Nghệ An. Xướng chiếu cho nhập nội thái phó Lý Công Bình đem các quan chức đồ cùng người châu Nghệ An đi đánh. Ngày Quý Hợi, Lý Công Bình đánh bại người Chân Lạp ở bến Ba Đầu, bắt được chủ tướng và quân lính... Thư báo thắng trận của Lý Công Bình đến kinh sư"⁽²⁴⁾; "Ngày Mậu Thìn (1128) vua ngự đến hai cung Thái Thanh, Cảnh Linh và các chùa quán trong thành để lễ tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngầm cho Công Bình đánh được người Chân Lạp Tháng 3 (1128), Lý Công Bình đem quân về kinh sư, dâng tù 169 người"⁽²⁵⁾ "Tháng 8, năm 1128) Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ gia (tên hương thời Lý, nay là huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh) ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xướng chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hóa và Dương Ổ ở châu ấy mang quân đánh, phá được. Châu Nghệ An đệ tâu một phong quốc thư của nước Chân Lạp sai người sang sứ nước ấy. Vua không trả lời"⁽²⁶⁾. Trong vòng 7 tháng Chân Lạp hai lần mang quân sang xâm lấn Đại Việt với số lượng khá lớn, một lần hai vạn người và

một lần khác là 700 chiếc thuyền. Qua đây chúng ta thấy tiềm lực về mặt quân sự của Chân Lạp khá lớn. Mặt khác, một số lượng quân lớn quân thủy và quân bộ của Chân Lạp không khó khăn khi dịch chuyển vào lãnh thổ Đại Việt chứng tỏ tình hình giao thông của hai quốc gia khá thuận lợi.

Mối quan hệ chính trị và quân sự giữa hai quốc gia diễn ra khá phức tạp. Lịch sử có ghi lại không lâu sau cuộc xung đột quân sự năm 1128, Chân Lạp lại sai sứ giả mang quốc thư tới chính quyền Thăng Long và xin nhà Lý sai sứ giả sang nước họ. Hành động này có thể xem như hình thức xin nghị hòa và thiết lập mới quan hệ bang giao giữa hai quốc gia. Tuy nhiên đứng trước hành động của chính quyền Chân Lạp như vậy nhưng người đứng đầu chính quyền Thăng Long thể hiện sự im lặng. Điều này cho thấy chính quyền Thăng Long rất không hài lòng vì sự xâm lược của Chân Lạp vào cương vực của Đại Việt. Qua sự việc này cũng góp phần cho thấy vị trí của một "thiên triều".

Điều này được minh chứng khá rõ, trong 20 năm Chân Lạp đã bảy lần tấn công Đại Việt năm 1132, 1137, 1149 và 1150. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi lại: "Nhâm Tý, Thiên Thuận năm thứ 5 (1132) (Tổng thiệu hưng năm thứ 2) Tháng 8 Chân Lạp và Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An... Xuống chiếu cho thái úy Dương Anh Nhị đem người ở phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan... Tháng 9, lệnh hòa dẫu ở đô Phụng vệ là Đinh Ngưu dâng voi trắng. Lệnh thư gia châu Nghệ An là Trần Lưu dâng ba người Chiêm Thành. Trước đây bọn người này thường ẩn nấp ở chỗ hiểm

yeu, bắt người châu Nghệ An đem bán cho nước Chân Lạp, Lưu đặt phục binh ở chỗ ấy bắt được đem dâng"²⁸⁷.

Sự tấn công của Chân Lạp vào lãnh thổ Đại Việt còn diễn ra sau thời vua Surayavarman II. Đại Việt sử ký toàn thư đã ghi lại: "Bính Tý, Kiến Gia năm thứ 6 (1216), (Tổng Gia Định năm thứ 9). Chiêm Thành và Chân Lạp tới cướp châu Nghệ An, châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh phá được"²⁸⁸; "Mậu Dần, Kiến Gia năm thứ 8 (1218), (Tổng Gia Định năm thứ 11). Chiêm Thành và Chân Lạp tới cướp phá Nghệ An, Lý Bất Nhiễm đánh được, thăng tước hầu, ban thực ấp 7.500 hộ" Trong 142 năm, Chân Lạp đã 9 lần đem quân sang tấn công Nghệ An của vương triều Lý (vùng biên viễn phía Nam trung bình 16 năm một lần. Có những năm Chân Lạp đem quân tấn công hai lần trong một năm (1128) hoặc mang quân tới xâm chiếm trong hai năm liên tiếp (1149 và 1150), khoảng thời gian lâu nhất giữa hai cuộc tấn công là 66 năm (từ năm 1150 đến 1216) và có những lần có quy mô khá lớn (hai lần trong 1128). Cũng trong thời kỳ này, Chân Lạp là nước tấn công cướp phá Đại Việt nhiều nhất so với các nước khác: 1 lần xâm lược nhà Tống (1076 và 1077) và 7 lần tấn công Champa. Nhìn chung, dưới thời Lý mối quan hệ giữa Chân Lạp và Đại Việt không chỉ diễn ra trên các phương diện chính trị, bang giao mà còn ghi dấu đậm nét các xung đột quân sự. Chân Lạp thường xuyên cử phái đoàn tới triều cống Đại Việt và xen kẽ vào đó là các cuộc cướp phá lãnh thổ nhằm vào Nghệ An. Các sự kiện diễn ra có mối quan hệ tương đối chặt chẽ.

Kết luận

Campuchia thời kỳ Ăngkor đã phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Trong thời kỳ này, mối liên hệ của Campuchia và Đại Việt diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau từ triều cống, thương mại đến chính trị, quân sự. Quan hệ thương mại đông tây qua vùng Nghệ Tĩnh trong suốt thời kỳ thương mại sớm của khu vực kết nối các thương nhân Trung Hoa và Đại Việt với vùng đất Khmer. Mối quan hệ chính trị, quân sự có lúc hòa hiếu nhưng cũng có khi căng thẳng nhưng ít nhiều đã tạo nên sợi dây liên kết tồn tại khá chặt chẽ trong lịch sử giữa hai quốc gia. Ngày hôm nay, nhìn vào những trang sử đó mà các thế hệ sau duy trì mối giao hảo để thắt chặt thêm tình đoàn kết, hữu nghị giữa các quốc gia láng giềng để tạo một môi trường bình ổn cho phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa trong khu vực./.

CHÚ THÍCH

1. Phạm Việt Trung, Đỗ Văn Nhung, Chiêm Tế (chủ biên) (1997), *Đất nước Campuchia lịch sử và văn minh*, Chuyên đề Lịch sử dùng trong các trường đại học, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, thư viện Đại học tổng hợp Hà Nội, tr.234. Xem thêm Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2002, tr 233 - 234
2. John K. Whitmore (2006), The rise of the coast: Trade, State and Culture in Early Dai Viet, *Journal of Southeast Asian Studies*, No 37 (1), pg.103-122.
3. Momoki Shiro (1998), Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỷ X đến XV-

Nguyễn Văn Kim và Hoàng Anh Tuấn dịch in trong *Đông Á-Đông Nam Á* (2003), Những vấn đề lịch sử và hiện tại, Nxb Thế giới, tr.318.

4. Li Tanna(2006), A view from sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast, *Journal of Southeast Asian studies*, vol 37, United Kingdom, tr 85
5. Chu Đạt Quan (2006), *Chân Lạp phong thổ ký*, (GS. Hà Văn Tấn dịch, GS. Phan Huy Lê giới thiệu, ThS Nguyễn Ngọc Phúc chú thích), Nxb Thế giới, Hà Nội, tr 53-54
6. Kenneth R. Hall (1985), Maritime trade and state development in Early Southeast Asia, University of Hawaii Press, Honolulu, tr.173
7. Li Tanna(2006), A view from sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast, *Journal of Southeast Asian studies*, vol 37, United Kingdom, tr.320
8. Li Tanna(2006), A view from sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast, *Journal of Southeast Asian studies*, vol 37, United Kingdom, tr.320
9. Kenneth R. Hall (1985), Maritime trade and state development in Early Southeast Asia, University of Hawaii Press, Honolulu, tr.176
10. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.243.
11. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.244
12. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.246
13. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 247
14. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.247
15. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.255
16. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.261

17. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 271
18. Li Tanna (2006), A view from sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast, *Journal of Southeast Asian studies*, vol 37, United Kingdom, tr.85
19. Lê Tắc (2002), *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hóa - Trung Tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr 117-118
20. *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* (2007), Tập I, Nxb Giáo Dục, Đà Nẵng, tr.177
21. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quyển 2, Phần bang giao chí, tr.645
22. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.278
23. *Việt Sử lược*, (Trần Quốc Vượng dịch) (2005), Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr.140
24. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.299
25. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 300
26. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.301
27. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 306
28. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 318
4. D.G E Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Người dịch: Bùi Thanh Sơn, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
5. Kenneth R. Hall (1985), Maritime trade and state development in Early Southeast Asia, University of Hawaii Press, Honolulu
6. John K.Whitmore (2006), The rise of the coast. Trade, State and Culture in Early Dai Viet, *Journal of Southeast Asian Studies*, No 37 (1).
7. *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* (2007), Tập I, Nxb Giáo Dục, Đà Nẵng
8. Lawrence Palmer Briggs (1951), The Ancient Khmer Empire, Issued as Volume 41, of the Transactions of American Philosophical Society held at Philadelphia for Promoting Useful Knowledge Independence Square
9. Li Tanna (2006), A view from sea Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast. *Journal of Southeast Asian studies*, vol 37, United Kingdom.
10. Momoki Shiro (1998), *Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỷ X đến XV*- Nguyễn Văn Kim và Hoàng Anh Tuấn dịch in trong *Đông Á-Đông Nam Á* (2003), Những vấn đề lịch sử và hiện tại. Nxb Thế giới
11. Chu Đạt Quan (2006), *Chân Lạp phong thổ ký*, (GS Hà Văn Tấn dịch, GS Phan Huy Lê giới thiệu, ThS Nguyễn Ngọc Phúc chú thích), Nxb Thế giới, Hà Nội
12. Lê Tắc (2002), *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hóa - Trung Tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
13. Phạm Việt Trung, Đỗ Văn Nhung, Chiêm Tế (chủ biên) (1997), *Đất nước Campuchia lịch sử và văn minh*, Chuyên đề Lịch sử dùng trong các trường đại học, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, thư viện Đại học tổng hợp Hà Nội
14. *Việt Sử lược*, Trần Quốc Vượng (dịch) (2005), Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quyển 2, Phần bang giao chí
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Dũng (2010), Về quan hệ Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI, *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử*, tập 415, (số 11)